

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN HỒ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19/9/2017

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN HỒ, TỈNH SƠN LA**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hiếu.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thủy.
2. Ông Vàng A Gư.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Vinh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện V H, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V H, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V H, tỉnh Sơn La; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2017/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXX - HNGĐ ngày 5 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vàng Thị M, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Bản Bó N II, xã V H, huyện V H, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Mùa A M, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Bản Bó N II, xã V H, huyện V H, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người phiên dịch: Anh Sông A P, sinh năm 1985; địa chỉ: Tiểu khu 10, thị trấn M C, huyện MC, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/06/2017, biên bản lấy lời khai tại các ngày 14/6/2017, 10/8/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Vàng Thị M trình bày: Chị M và anh Mùa A M chung sống với nhau từ năm 2012 không đăng ký kết hôn, chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán của dân tộc mông. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Mùa A M thường xuyên bỏ nhà đi, khi về nhà thì hay

đánh đập vợ con, hiện tại chị và các con đã về bên gia đình nhà bố mẹ đẻ ở, nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn. Trong quá trình chung sống Chị Vàng Thị M và anh Mùa A M có 02 con chung là cháu Vàng Thị P, sinh ngày 19/12/2012; Vàng A T sinh ngày 16/9/2015. Chị Vàng Thị M đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung là Vàng Thị P và Vàng A T, hiện tại hai cháu đang ở với chị M, chị M không đề nghị anh Mùa A M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa chị thay đổi yêu cầu nếu anh M nhận nuôi hai con thì chị nhất trí để anh M nuôi và không nhất trí cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không nhất trí trả anh M số tiền 17.000.000 đồng là tiền cưới theo phong tục địa phương.

Bị đơn anh Mùa A M trình bày: Anh và chị Vàng Thị M có được tìm hiểu và lấy nhau năm 2012, không có đăng ký kết hôn, hôn nhân của anh chị được tổ chức theo phong tục tập quán của dân tộc mông. Chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống, chị M chê anh bị tàn tật nên không muốn sống chung. Hiện tại anh vẫn còn tình cảm với chị M và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được đoàn tụ. Trong trường hợp chị M kiên quyết ly hôn anh, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Vàng Thị P và Vàng A T yêu cầu chị Vàng Thị M phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng là 200.000 đồng. Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh Mùa A M còn yêu cầu chị Vàng Thị M phải trả cho anh 17.000.000 đồng là tiền dùng vào việc cưới hỏi theo phong tục người mông.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục của vụ án dân sự. Về việc giải quyết vụ án: về quan hệ hôn nhân đề nghị không công nhận quan hệ giữa chị Vàng Thị M và anh Mùa A M là quan hệ vợ chồng; về con chung giao cháu Vàng A T cho chị Vàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Vàng Thị P cho anh Mùa A M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết, nợ chung không có, không yêu cầu tòa án giải quyết. Không chấp nhận yêu cầu của anh M yêu cầu chị M phải thanh toán số tiền 17.000.000 đồng là tiền làm đám cưới theo phong tục người M.

Chị Vàng Thị M phải chịu án phí dân sự trong vụ án xin ly hôn theo quy định. Anh Mùa A M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Năm 2012 Chị Vàng Thị M và anh Mùa A M đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng cho đến nay, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Khi có yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Vàng Thị M và anh Mùa A M không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị Vàng Thị M và anh Mùa A M xác định có 02 con chung là cháu Vàng Thị P, sinh ngày 09/12/2012 và cháu Vàng A T, sinh ngày 16/9/2015. Chị Vàng Thị M có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu Vàng Thị P và Vàng A T không yêu cầu anh Mùa A M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa chị thay đổi yêu cầu nếu anh M nhận nuôi hai con thì chị nhất trí và không chấp nhận việc cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Mùa A M không nhất trí, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu là 200.000 đồng. Nay Hội đồng xét xử thấy hiện tại cả hai cháu đang sống cùng mẹ là chị M, đối với cháu Vàng A T do đến thời điểm này cháu vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với yêu cầu về con chung của anh Mùa A M: Hội đồng xét xử thấy bản thân anh M là trụ cột chính trong gia đình, cháu Vàng Thị P đã được 5 tuổi cần giao cho anh Mùa A M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh Mùa A M Hội đồng xét xử thấy cả chị M và anh M đều làm nương rẫy thu nhập theo mùa vụ không ổn định. Anh M và chị M mỗi người phải nuôi một con chung nên không chấp nhận yêu cầu của anh M về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Như vậy, xét các điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung hàng ngày. Cần căn cứ vào các Điều 15, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Vàng A T cho chị Vàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, giao cháu Vàng Thị P cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải nộp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, anh M, chị M được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết. Nợ chung không có, không yêu cầu tòa án giải quyết. Đối với số tiền 17.000.000 đồng anh M yêu cầu chị M phải trả, Hội đồng xét xử thấy đây là tiền tổ chức đám cưới theo phong tục người nông, yêu cầu này không được pháp luật thừa nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của anh M.

[4] Về án phí; Chị Vàng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V H, tỉnh Sơn La. Anh Mùa A M phải chịu án phí đối với yêu cầu của mình không được chấp nhận là 850.000 đồng. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng Thị M và anh Mùa A M.

2. Về con chung: Giao cháu Vàng A T, sinh ngày 16/09/2015 cho chị Vàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu Trường đủ 18 tuổi. Giao cháu Vàng Thị P cho anh Mùa A M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Pàng đủ 18 tuổi. Chị M và anh M không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Vàng Thị M, anh Mùa A M có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Mùa A M yêu cầu chị Vàng Thị M phải trả 17.000.000 đồng.

4. Về án phí: Chị Vàng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu số AA/2013/04283 ngày 14/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V H, tỉnh Sơn La. Anh Mùa A M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 850.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vàng Thị M, anh Mùa A M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Sơn La;
- VKSND Tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện V H;
- Chi cục THA dân sự huyện V H;
- UBND xã V H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hiếu